

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN
CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	MBB	214.647.618	185.570.821

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 13/08/2025 như sau:

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.136.656.599	4.358.966.789	435.896.678	381.102.427
2	DGC	379.778.413	212.713.889	21.271.388	21.271.388
3	FPT	1.703.507.121	1.372.856.388	137.285.638	112.870.876
4	HDB	3.495.060.732	2.514.696.196	251.469.619	249.219.619
5	HPG	7.675.465.855	4.200.014.915	420.001.491	292.041.539
6	LPB	2.987.282.100	2.701.697.931	270.169.793	248.402.054
7	MBB	6.102.272.659	3.018.794.284	301.879.428	185.570.821
8	MSN	1.445.915.457	790.626.571	79.062.657	59.659.086
9	MWG	1.478.456.763	1.051.182.758	105.118.275	73.859.114
10	SHB	4.065.250.816	2.790.388.160	279.038.816	262.216.815
11	SSB	2.845.000.000	1.473.710.000	147.371.000	140.621.000
12	SSI	1.971.872.450	1.366.901.982	136.690.198	136.690.198
13	STB	1.885.215.716	1.729.308.376	172.930.837	110.172.505

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
14	TCB	7.086.240.414	3.599.810.130	359.981.013	306.997.680
15	TPB	2.641.956.196	1.381.743.090	138.174.309	123.219.750
16	VHM	4.107.412.004	1.069.570.085	106.957.008	74.561.295
17	VIB	3.404.005.710	1.979.429.320	197.942.932	138.465.313
18	VIC	3.823.661.561	1.384.165.485	138.416.548	131.359.882
19	VJC	541.611.334	253.799.071	25.379.907	24.629.907
20	VNM	2.089.955.445	738.590.254	73.859.025	51.171.741
21	VPB	7.933.923.601	4.021.705.873	402.170.587	306.916.354
22	VRE	2.272.318.410	900.747.017	90.074.701	33.116.368